

Số: 02/NQ-HĐND

Ba Tầng, ngày 19 tháng 01 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc thông qua dự toán thu - Chi ngân sách nhà nước xã Ba Tầng năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BA TÀNG  
KHOÁ XII - KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/12/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4456/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các xã, thị trấn;

Xét tờ trình số 267/TTr-UBND ngày 29/12/2023 về thông qua dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2024 với các nội dung sau:

|  |                           |
|--|---------------------------|
| <b>1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:</b>  | <b>7.237.214.000 đồng</b> |
| <b>1.1. Thu ngân sách trên địa bàn:</b>              | <b>10.000.000 đồng</b>    |
| 1.1.1 Thu phí, lệ phí:                               | 10.000.0000 đồng          |
| <b>1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:</b>       | <b>7.227.214.000 đồng</b> |
| 1.2.1. Thu bổ sung cần đối ngân sách:                | 6.851.449.000 đồng        |
| 1.2.2. Thu bổ sung có mục tiêu:                      | 375.765.000 đồng          |
| <b>2. Tổng chi ngân sách địa phương:</b>             | <b>7.237.214.000 đồng</b> |
| <b>2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương:</b>        | <b>6.861.449.000 đồng</b> |
| 2.1.1. Chi thường xuyên:                             | 6.746.449.000 đồng        |
| 2.1.2. Dự phòng ngân sách:                           | 115.000.000 đồng          |
| <b>2.2. Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ:</b> | <b>375.765.000 đồng</b>   |

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân xã:

Triển khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng ban ngành, đoàn thể, các đơn vị thuộc xã về dự toán thu, chi và mức bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách xã cho ban ngành, đoàn thể, các đơn vị thuộc xã theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(có biểu phụ lục kèm theo)

Trong quá trình thực hiện nếu Ủy ban nhân dân xã có đề nghị điều chỉnh dự toán

thu, chi ngân sách xã năm 2024, sử dụng kinh phí dự phòng ngân sách và khoản vượt thu năm 2024, Hội đồng nhân dân xã ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước để quyết định điều chỉnh, bổ sung và báo cáo Hội đồng nhân dân xã kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Giao trách nhiệm cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá XII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 19 tháng 01 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ban Thường vụ Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Đoàn thể chính trị xã;
- Trường TH&THCS Ba Tầng;
- Trường Mầm non Ba Tầng;
- Trạm Y tế xã Ba Tầng;
- 07 thôn bản;
- Lưu: VT



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA TÀNG NĂM 2024**  
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND xã Ba Tầng)

**DỰ TOÁN THU**

Đơn vị tính: Đồng

| A         | NỘI DUNG THU                        | SỐ TIỀN              |
|-----------|-------------------------------------|----------------------|
|           | <b>TỔNG THU</b>                     | <b>7.237.214.000</b> |
| <b>I</b>  | <b>Các khoản thu xã hưởng 100%:</b> | <b>10.000.000</b>    |
| 1         | Thu phí, lệ phí                     | 10.000.000           |
| <b>II</b> | <b>Thu từ ngân sách cấp trên:</b>   | <b>7.227.214.000</b> |
| 1         | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên   | 6.851.449.000        |
| 2         | Thu bổ sung có mục tiêu             | 375.765.000          |

**DỰ TOÁN CHI**

Đơn vị tính: Đồng

| Stt      | Tổng chi ngân sách xã, thị trấn   | 7.237.214.000        |
|----------|---|----------------------|
| <b>A</b> | <b>Chi cân đối Ngân sách xã, thị trấn</b>   | <b>6.861.449.000</b> |
| <b>I</b> | <b>Chi thường xuyên</b>   | <b>6.746.449.000</b> |
| 1        | Sự nghiệp Giáo dục- Đào tạo và dạy nghề   | 50.000.000           |
| 2        | Sự nghiệp Quốc phòng - An ninh  | 668.028.000          |
|          | <b>Quốc phòng</b>   | <b>550.028.000</b>   |
|          | + Định mức  | 220.000.000          |
|          | + Phụ cấp theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP   | 161.028.000          |
|          | + Kinh phí quốc phòng các xã biên giới theo ND 34/2014/NĐ-CP  | 169.000.000          |
|          | <b>An ninh và trật tự an toàn xã hội</b>  | <b>118.000.000</b>   |
|          | + Theo định mức   | 33.000.000           |
|          | + Kinh phí an ninh các xã biên giới theo ND 34/2014/NĐ-CP   | 85.000.000           |
| 3        | Sự nghiệp Văn hoá - Thông tin   | 84.300.000           |
|          | - Theo định mức   | 17.300.000           |
|          | - KP thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" theo NQ số 41/2019/NQ-HĐND   | 67.000.000           |
|          | + Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã   | 25.000.000           |
|          | + Khu văn hóa cụm dân cư ở xã vùng khó: 6tr/KDC (theo QĐ 1010/QĐ-TTg)   | 42.000.000           |
| 4        | Sự nghiệp Thể dục - Thể thao  | 13.800.000           |
| 5        | Các hoạt động kinh tế   | 36.300.000           |
| 6        | Sự nghiệp môi trường  | 20.000.000           |
| 7        | Sự nghiệp phát thanh  | 10.000.000           |
| <b>8</b> | <b>Chi Quản lý hành chính</b>   | <b>5.834.621.000</b> |
|          | - Lương cán bộ công chức xã   | 3.470.604.000        |
|          | - Phụ cấp cấp ủy viên   | 64.800.000           |
|          | - Phụ cấp cán bộ KCT theo NQ 18/2020/NQ-HĐND  | 1.363.712.000        |
|          | - Chi khác Mặt trận, đoàn thể theo NQ 18/2020/NQ-HĐND, NQ 41/2019/NQ-HĐND (12trđ/ngành)   | 60.000.000           |
|          | - Khoản kinh phí hoạt động các tổ chức CT-XH thôn, bản theo NQ 18/2020/NQ-HĐND (2trđ/Chi hội, chi đoàn)   | 70.000.000           |
|          | - Ban thanh tra nhân dân  | 5.000.000            |
|          | - KP giám sát đầu tư cộng đồng TTLT 04/2006/TTLT  | 10.000.000           |
|          | - Hoạt động phi đại biểu HĐND theo Nghị quyết số 1206/NQ-UBTVQH13   | 136.080.000          |
|          | - KP hoạt động HĐND theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh  | 210.000.000          |
|          | - Hỗ trợ hoạt động Đảng theo QĐ 99/QĐ-TW 2012   | 65.000.000           |
|          | - Chi hỗ trợ hoạt động tiếp công dân theo QĐ 1180/QĐ-UBND tỉnh  | 10.000.000           |
|          | - Chi hỗ trợ cán bộ rà soát TTHC theo QĐ 2261/QĐ-UBND tỉnh  | 9.960.000            |
|          | - Hỗ trợ tổ hòa giải cơ sở, hỗ trợ tủ sách pháp luật xã, TT (NQ 16/2015/NQ-HĐND tỉnh)   | 12.000.000           |
|          | - Kinh phí bảo đảm công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Theo QĐ số 1865/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh)                                   | 5.000.000            |
|          | - Kinh phí hoạt động giám sát, phản biện theo Quyết định số 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW  | 7.000.000            |
|          | - Kinh phí hoạt động của Hội khuyến học theo Quyết định số 281/QĐ-TTg   | 3.000.000            |
|          | - Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 73/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (phần NS huyện đối ứng) | 28.665.000           |



|           |   |                    |
|-----------|---|--------------------|
|           | - Kinh phí chăm sóc thường xuyên các nhà bia tường niệm xã  | 10.000.000         |
|           | - Kinh phí cập nhật phần mềm kế toán và gia hạn phần mềm quản lý tài sản  | 7.000.000          |
|           | - Kinh phí hỗ trợ đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cấp xã, nhiệm kỳ 2024 - 2029  | 10.000.000         |
|           | - Kinh phí hỗ trợ đại hội Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, thị trấn nhiệm kỳ 2024 - 2029  | 20.000.000         |
|           | - Chi hoạt động   | 228.800.000        |
|           | - Chi khác  | 28.000.000         |
| <b>9</b>  | <b>Chi Bảo đảm xã hội</b>   | <b>29.400.000</b>  |
|           | - Kinh phí mừng thọ theo NQ 47/HĐND tỉnh  | 8.600.000          |
|           | - Hoạt động cứu trợ xã hội  | 20.800.000         |
| <b>II</b> | <b>Dự phòng ngân sách</b>   | <b>115.000.000</b> |
| <b>B</b>  | <b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>  | <b>375.765.000</b> |
| 1         | - Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 73/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh | 66.885.000         |
| 2         | - Phụ cấp nhân viên thú y, nhân viên khuyến nông theo NQ 161/2021/NQ-HĐND   | 49.680.000         |
| 3         | - Chế độ chính sách đối với công an viên thôn theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh  | 259.200.000        |

